

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ HUNG THÁI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ HUNG THÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG THAI SERVICE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108540000

3. Ngày thành lập: 07/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Việt Yên, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 782171177

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
2.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
3.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; án lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
4.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
5.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
6.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

7.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại	4791
8.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
11.	Sản xuất nhạc cụ	3220
12.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
13.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
14.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
15.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Trồng lúa	0111
19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây chè	0127
25.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
26.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
27.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
28.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
29.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
30.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
31.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
32.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
34.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
35.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
38.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
39.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (trừ sản xuất vàng miếng)	3211
40.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212

41.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
44.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
45.	Tái chế phế liệu	3830
46.	Xây dựng nhà để ở	4101
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
49.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
50.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
51.	Bán buôn tổng hợp	4690
52.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
53.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
56.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ	4789
61.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng	4799
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
67.	Quảng cáo	7310
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
73.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
74.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
75.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
76.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
77.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
78.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
79.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
80.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
81.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
82.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
83.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
84.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
85.	Trồng cây hồ tiêu	0124
86.	Trồng cây cao su	0125
87.	Trồng cây cà phê	0126
88.	Trồng cây lâu năm khác	0129
89.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
90.	Chăn nuôi gia cầm	0146
91.	Chăn nuôi khác	0149
92.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
93.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
94.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
95.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
96.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
97.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
98.	Khai thác gỗ	0220
99.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
100.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
101.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420

102.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
103.	Sản xuất giày, dép	1520
104.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
105.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
106.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
107.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
108.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
109.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
110.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
111.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
112.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
113.	Xây dựng nhà không để ở	4102
114.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
115.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
116.	Xây dựng công trình điện	4221
117.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
118.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
119.	Xây dựng công trình thủy	4291
120.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
121.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
122.	Phá dỡ	4311
123.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
124.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
125.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
126.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
127.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
128.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
129.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
130.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
131.	Bán buôn thực phẩm	4632
132.	Bán buôn đồ uống	4633
133.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
134.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
135.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

136.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
137.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
138.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
139.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
140.	Hoạt động viễn thông khác	6190
141.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
142.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình ; - Thiết kế điện - cơ điện công trình ; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy ; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ; - Kiểm định xây dựng ; - An toàn lao động trong xây dựng; - Định giá xây dựng; - Khảo sát xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Lập ,thẩm tra dự án đầu tư	7110
143.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
144.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
145.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
146.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
147.	Hoạt động thể thao khác	9319
148.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
149.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
150.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
151.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
152.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
153.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

154.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
155.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
156.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
157.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
158.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
159.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
160.	Trồng cây lấy sợi	0116
161.	Trồng cây hàng năm khác	0119
162.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
163.	Trồng cây điều	0123
164.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
165.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
166.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
167.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
168.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
169.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
170.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
171.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
172.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
173.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
174.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
175.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
176.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
177.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
178.	Lập trình máy vi tính	6201
179.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

180.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
181.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
182.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác; Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
183.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
184.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
185.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
186.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
187.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
188.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác	4511
189.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy	4541
190.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
191.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
192.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
193.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
194.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
195.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
196.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
197.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
198.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
199.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
200.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN THỊ LAN	Thôn Mãn Xã Tây, Xã Hà Mãn, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	125254604	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000		
2	VĂN QUỲNH ANH	Số 40 ngõ 82 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.700.000	27.000.000.000	90,000	013051667	
			Tổng số	2.700.000	27.000.000.000	90,000		
3	NGUYỄN VĂN CHUYỀN	Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	125322035	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VĂN QUỲNH ANH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/12/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013051667*

Ngày cấp: *25/03/2008*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 40 ngõ 82 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 40 ngõ 82 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*